

# PHƯƠNG HƯỚNG HOÀN THIỆN LÝ LUẬN VỀ CHỨC NĂNG BUỘC TỘI TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ VIỆT NAM HIỆN NAY

NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG\*

*Trong các chức năng tố tụng, chức năng buộc tội xuất hiện trước, là cơ sở xuất hiện chức năng bào chữa và chức năng xét xử. Bài viết phân tích và đánh giá thực trạng lý luận về chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam cũng như đưa ra phương hướng xây dựng cấu trúc lý luận của chức năng này để phù hợp với tinh thần cải cách tư pháp trong giai đoạn hiện nay.*

*Từ khóa: Chức năng buộc tội, tố tụng hình sự, chức năng tố tụng.*

*Ngày nhận bài: 25/3/2021; Biên tập xong: 05/4/2021; Duyệt đăng: 17/4/2021*

Among procedural functions, the accusing function comes first which is premise and followed by the defense and judicial ones. This article clarifies and evaluates the theoretical status of the accusing function in Vietnamese criminal proceedings; then brings out the direction to set up its theoretical framework to be fit with the spirit of current judicial reform.

**Keywords:** Accusing function, criminal proceedings, procedural functions.

**B**uộc tội là một trong những chức năng cơ bản trong tố tụng hình sự (TTHS), có vai trò rất quan trọng, là chức năng tiền đề và có tính chất quyết định cho sự vận hành TTHS. Tuy nhiên, cho đến nay vẫn còn nhiều ý kiến không thống nhất khi nhận thức về chức năng này. Nội dung, kết quả của các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước đã giải quyết một số vấn đề lý luận cơ bản về chức năng buộc tội (CNBT) trong TTHS Việt Nam như: Xác định vị trí của chức năng tố tụng nói chung, trong đó có CNBT trong TTHS; xác định địa vị pháp lý của các chủ thể tham gia quan hệ pháp luật TTHS; mối quan hệ giữa chức năng tố tụng với các thành tố khác, xác định chính xác vị trí pháp lý của các chủ thể tố tụng trong thực hiện chức năng tố tụng; đưa ra được khái niệm chức năng tố tụng, phân tích các chức năng tố tụng cơ bản, mối quan hệ giữa chúng... Đây là những công trình có ý nghĩa trong việc xây dựng lý luận chung về vấn đề chức năng TTHS, làm nền tảng cho việc hoàn thiện lý luận về CNBT trong TTHS Việt Nam. Tuy nhiên, các công trình này mới chỉ dừng lại ở việc nghiên cứu trên bình diện chung về chức năng tố tụng, trong đó có CNBT mà chưa đi vào nghiên cứu một cách toàn diện, thấu đáo về CNBT.

## 1. Thực trạng lý luận về chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam

Một số nội dung lý luận được đề cập về CNBT trong TTHS có quan điểm cho rằng: “Buộc tội là ghép cho ai một việc bị luật hình sự trừng phạt hay buộc tội là luận tội”<sup>1</sup> hay “buộc tội là buộc ai vào một tội nào đó, bắt phải nhận tội, chịu tội”<sup>2</sup>. Theo tác giả, nhìn nhận dưới góc độ ngôn ngữ học thì rõ ràng buộc tội không phải là ghép tội bởi ghép tội là khi một người không thực hiện hành vi phạm tội mà bị cho là thực hiện hành vi phạm tội. Buộc tội cũng không đồng nhất với luận tội, luận tội chỉ là sự thể hiện nội dung buộc tội diễn ra tại phiên tòa hình sự. Trong khi đó, buộc tội xuất hiện sớm hơn và tổng hợp nhiều hoạt động hướng tới việc buộc tội ở các giai đoạn tố tụng khác nhau. Quan điểm khác lại cho rằng: “CNBT còn gọi là chức năng truy cứu TNHS, là một dạng hoạt động tố tụng nhằm phát hiện kẻ phạm tội, chứng minh lỗi của người đó, bảo đảm phán xử và hình phạt đối với người đó”<sup>3</sup>. Đây là quan điểm

\* Đại úy, Thạc sĩ, Giảng viên Khoa Luật, Học viện An ninh nhân dân

<sup>1</sup> Từ điển Luật học, Nxb Quốc gia, tr.47.

<sup>2</sup> Từ điển Tiếng Việt, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh, tr.181.

<sup>3</sup> Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ của Viện khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

được thừa nhận một cách rộng rãi trong khoa học luật TTHS Việt Nam cũng như TTHS Xô Viết trước đây. Định nghĩa này đã đề cập một cách khá đầy đủ mục đích, nội dung, đối tượng tác động của CNBT. Theo quan điểm này, đồng nhất “buộc tội” với “truy cứu trách nhiệm hình sự”. Tuy nhiên, quan điểm này chưa chỉ rõ phạm vi tồn tại CNBT cũng như những chủ thể nào thực hiện chức năng này. Bên cạnh đó, còn tồn tại quan điểm đồng nhất CNBT với chức năng công tố và gắn chức năng này với chức năng thực hành quyền công tố: “Công tố, buộc tội, với tư cách là một chức năng TTHS luôn nhằm vào một cá nhân cụ thể và thực chất đó chính là hoạt động truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người phạm tội.”<sup>4</sup>

Trong khoa học pháp lý hiện nay, xác định thời điểm bắt đầu và thời điểm kết thúc của CNBT tồn tại nhiều quan điểm khác nhau. Theo tác giả Nguyễn Thái Phúc, CNBT xuất hiện từ khi cơ quan có thẩm quyền ra quyết định khởi tố bị can và kết thúc bằng bản án kết tội đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án. Quan điểm khác cho rằng, CNBT chỉ xuất hiện ở giai đoạn xét xử sơ thẩm tại phiên tòa, trong giai đoạn điều tra tồn tại chức năng điều tra<sup>5</sup>. Có quan điểm khẳng định: “CNBT thông thường bắt đầu kể từ khi Cơ quan điều tra (CQĐT) khởi tố bị can, tuy nhiên trong một số trường hợp thời điểm này xuất hiện sớm hơn – kể từ khi một người bị tạm giữ; CNBT sẽ kết thúc khi người bị kết án chấp hành xong hình phạt hoặc áp dụng các biện pháp miễn hình phạt (toàn bộ) hoặc được đại xá hay ân xá”<sup>6</sup>. Có quan điểm cho rằng: CNBT xuất hiện từ khi khởi tố vụ án, thậm chí trước khi khởi tố vụ án (trường hợp khám nghiệm hiện trường...), CNBT sẽ kết thúc khi bản án kết tội có hiệu lực pháp luật của Tòa án hoặc kết thúc khi tại phiên tòa, Kiểm sát viên rút toàn bộ quyết định truy tố<sup>7</sup>. Theo tác giả, những quan điểm này hoặc là quá mở rộng phạm vi CNBT (buộc tội ngay

khi chưa có đối tượng bị buộc tội và tồn tại cho đến thời điểm mà ở đó việc chứng minh buộc tội đã được Tòa án chấp nhận); hoặc là quá thu hẹp phạm vi CNBT (chỉ xuất hiện ở giai đoạn xét xử phủ nhận CNBT ở giai đoạn điều tra); thậm chí đánh đồng CNBT với việc “thực hành quyền công tố”.

Chủ thể thực hiện CNBT cũng là một vấn đề tồn tại nhiều ý kiến khác nhau. Có ý kiến cho rằng CNBT là chức năng riêng của Viện kiểm sát (VKS): “Buộc tội là kết tội của VKS trước phiên tòa về hành vi phạm tội của bị cáo, dựa trên cơ sở phân tích chứng cứ, vận dụng các điều, khoản pháp luật đã quy định”<sup>8</sup>. Quan điểm này khẳng định phạm vi thực hiện CNBT của VKS cũng bó hẹp trong giai đoạn xét xử. Việc đánh đồng giữa buộc tội và kết tội là không chính xác, “kết tội” là kết quả của việc thực hiện chức năng xét xử của Tòa án, không phải là nội dung của CNBT. Quan điểm này cũng đã thu hẹp phạm vi của CNBT là CNBT chỉ tồn tại trong giai đoạn xét xử. Bên cạnh đó, cũng có những quan điểm mở rộng về phạm vi chủ thể thực hiện CNBT. Bên cạnh VKS là chủ thể buộc tội còn có sự tham gia của người bị hại trong các vụ án khởi tố theo yêu cầu của người bị hại.<sup>9</sup>

Tuy nhiên, nếu chỉ bó hẹp ở hai chủ thể này thì chưa chính xác. Bởi lẽ, bên cạnh VKS, người bị hại xuất phát từ bản chất, mục đích, nội dung, phạm vi của CNBT thì bất cứ chủ thể có thẩm quyền nào thực hiện một trong các nội dung của CNBT đều được coi là chủ thể buộc tội. Pháp luật đã quy định cho CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra những quyền năng nhất định trong giai đoạn điều tra để phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh làm rõ tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội theo chức năng, nhiệm vụ được giao như: Quyết định bắt, tạm giữ, tạm giam, đề nghị truy tố... Những hoạt động này là nội dung của CNBT. Vì vậy, chỉ nhấn mạnh đến ý nghĩa quyết định trong truy cứu trách nhiệm hình sự mới là chủ thể của CNBT là không hợp lý.

Sự không thống nhất trên trong các nội

<sup>4</sup> Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Các chức năng trong tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội.

<sup>5</sup> V.M.Xavitzki (1971), *Buộc tội Nhà nước tại phiên tòa*, Nxb Khoa học Matxcova.

<sup>6</sup> Phạm Hồng Hải (1998), *Mấy suy nghĩ về vấn đề bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3.

<sup>7</sup> Lê Tiến Châu (2003), *Một số vấn đề về chức năng buộc tội*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 3.

<sup>8</sup> Nguyễn Mạnh Hùng (2011), *Thuật ngữ pháp lý*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật.

<sup>9</sup> Nguyễn Đức Thái (2015), *Quyền buộc tội của người bị hại trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 1.

dung lý luận về CNBT trong TTHS Việt Nam đã chỉ ra những hạn chế nhất định, đòi hỏi phải có những nghiên cứu hoàn thiện về hệ thống lý luận CNBT trong TTHS Việt Nam, đủ khả năng làm cơ sở sáng tỏ thực tiễn thực hiện CNBT, làm mới lý luận cũ theo quan điểm đổi mới và cải cách tư pháp trong tình hình hiện nay.

## 2. Phương hướng xây dựng cấu trúc lý luận về chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự Việt Nam

Trên cơ sở nghiên cứu thực trạng lý luận về CNBT trong TTHS Việt Nam hiện nay, cần xác định phương hướng cụ thể xây dựng cấu trúc lý luận về CNBT trong TTHS như sau:

*Thứ nhất, xác định cấu trúc của CNBT trong TTHS*

Việc làm rõ những vấn đề này có ý nghĩa quan trọng, cho phép chủ thể nghiên cứu có được cái nhìn toàn cảnh về đối tượng nghiên cứu, đánh giá đúng thực trạng nghiên cứu, qua đó phát hiện những thiếu sót về mặt lý luận để tiếp tục nghiên cứu, bổ sung, hoàn thiện. Lý luận về CNBT có thể được xác định bao gồm khái niệm, nội dung, phạm vi, chủ thể của CNBT trong TTHS.

*Thứ hai, hoàn thiện khái niệm CNBT trong TTHS*

Buộc tội là hoạt động của các chủ thể có thẩm quyền do pháp luật quy định, đưa ra sự khẳng định trong việc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với một chủ thể cụ thể thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm theo trình tự, thủ tục luật định. Trên cơ sở phân tích các quan điểm khoa học, tác giả cho rằng: CNBT là phương diện hoạt động cơ bản của TTHS bắt đầu từ khi khởi tố bị can (trong một số trường hợp bắt đầu từ khi bắt, tạm giữ người) cho đến khi bản án của Tòa án tuyên có hiệu lực pháp luật được các chủ thể có thẩm quyền (VKS, CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, bị hại trong trường hợp khởi tố theo yêu cầu của bị hại) sử dụng các quyền năng tố tụng nhằm truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người hoặc pháp nhân thực hiện hành vi mà Bộ luật hình sự quy định là tội phạm.

*Thứ ba, hoàn thiện lý luận về nội dung CNBT trong TTHS*

Nội dung CNBT bao gồm những hoạt động tố tụng nhằm phát hiện người đã thực

hiện hành vi phạm tội, tội phạm đã thực hiện, những tình tiết thể hiện tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, chứng minh lỗi của những người đã thực hiện tội phạm, động cơ mục đích cũng như những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Có thể nói, nội dung CNBT chính là nội dung các quyền và nghĩa vụ của các chủ thể buộc tội theo quy định của pháp luật.

*Một là, để góp phần hoàn thiện lý luận về nội dung CNBT, pháp luật TTHS cần công nhận quyền công tố và thực hành quyền công tố trong giai đoạn khởi tố, điều tra cho CQĐT.*

*Hai là, bên cạnh việc công nhận chức năng buộc tội của CQĐT, luật TTHS cũng cần có các quy định cụ thể về cơ chế buộc tội và gỡ tội của CQĐT. Thông thường, một chủ thể vừa thực hiện chức năng gỡ tội, vừa thực hiện chức năng buộc tội sẽ không đạt hiệu quả cao bằng việc hai chủ thể thực hiện hai chức năng một cách độc lập. Do đó, pháp luật TTHS cần quy định thêm một lực lượng trực thuộc CQĐT làm nhiệm vụ gỡ tội để phản biện lại bên buộc tội là một giải pháp cần thiết nhằm giải quyết vụ án hình sự đúng đắn, khách quan, tránh làm oan người vô tội. Việc làm này còn giúp CQĐT định hướng trước những khả năng mà người bào chữa có thể tranh biện để giúp CQĐT chủ động hơn trong giai đoạn điều tra, đặc biệt là trong giai đoạn xét xử khi CQĐT được mời tham gia phiên tòa.*

*Ba là, cần hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng đảm bảo tính độc lập của những người tiến hành tố tụng trong CQĐT, VKS. Bổ sung, hoàn thiện các quy định liên quan đến việc xác định nhiệm vụ, quyền hạn của CQĐT, VKS trong việc thực hiện chức năng buộc tội.*

*Bốn là, pháp luật TTHS cần tăng thẩm quyền của CQĐT và những người tiến hành tố tụng trong CQĐT. Thực tế trong giai đoạn khởi tố, điều tra, VKS là chủ thể giám sát hoạt động điều tra của CQĐT, hỗ trợ về mặt pháp lý để CQĐT thực hiện chức năng buộc tội. Do đó, ở các giai đoạn này, VKS thực hiện chức năng kiểm sát hoạt động buộc tội của CQĐT là chủ yếu. Còn Thủ trưởng, Phó thủ trưởng CQĐT là người cùng với Điều tra viên chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả điều tra vụ án hình sự, là chủ thể chính trong việc buộc tội đối với người bị buộc tội.*

*Năm là, để xây dựng lý luận về nội dung*

CNBT cần hoàn thiện quy định pháp luật tố tụng về quan hệ giữa CQĐT với VKS. Để đảm bảo nâng cao hiệu quả việc thực hiện chức năng buộc tội của CQĐT và VKS trong các giai đoạn tố tụng, Bộ Công an, Bộ Quốc phòng cùng với Viện kiểm sát nhân dân tối cao cần cứ trên đường lối chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, cần ký kết các Thông tư liên tịch để hướng dẫn công tác kiểm sát, phối hợp trong các hoạt động tố tụng thực hiện chức năng buộc tội, trong việc thực hiện các hoạt động thu thập chứng cứ, củng cố chứng cứ, đánh giá chứng cứ, áp dụng các biện pháp bảo đảm thực hiện CNBT. Đồng thời, CQĐT và VKS các cấp cần ký kết các quy chế phối hợp công tác để nâng cao hiệu quả buộc tội trong TTHS góp phần giải quyết vụ án hình sự nhanh chóng, hiệu quả, chính xác, không làm oan người vô tội, không bỏ lọt tội phạm.

*Thứ tư, hoàn thiện lý luận về phạm vi CNBT trong TTHS*

Phạm vi CNBT hiện nay trong tố tụng có nhiều quan điểm tồn tại. Có những trường hợp, CNBT trong TTHS xuất hiện sớm hơn, khi mà các cơ quan có thẩm quyền có những cáo buộc bằng văn bản thông qua các biện pháp cưỡng chế TTHS như bắt, tạm giữ. Sau khi xuất hiện, các hoạt động tố tụng sẽ diễn ra nhằm làm sáng tỏ sự buộc tội của các chủ thể có thẩm quyền. Tuy nhiên, việc này được tiến hành ở các mô hình tố tụng khác nhau cũng có sự khác nhau. Ở mô hình thẩm vấn hoặc mô hình tố tụng pha trộn thiên về thẩm vấn, sau sự buộc tội là quá trình điều tra, truy tố, xét xử. Trong mô hình tố tụng tranh tụng, các chủ thể buộc tội tiếp tục có hoạt động thu thập chứng cứ để bảo vệ quan điểm buộc tội của mình và đưa vụ án ra Tòa án để xem xét. Vì vậy, phạm vi của CNBT xuất hiện và kéo dài tùy thuộc vào từng mô hình tố tụng. Hầu hết các quan điểm đều cho rằng CNBT kết thúc khi bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật. Có thể nói, quá trình xét xử tại phiên tòa là quá trình các chức năng tố tụng được thể hiện một cách đầy đủ và rõ nét nhất. Các CNBT và gỡ tội đều được thực hiện để bảo đảm cho Tòa án ra phán quyết cuối cùng kết luận bản chất của vụ án. Khi Tòa án ra bản án và bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật thì mọi cơ quan, tổ chức, cá nhân đều có nghĩa vụ tôn trọng và nghiêm chỉnh chấp hành.

Để hoàn thiện lý luận về phạm vi CNBT trong TTHS, tác giả đưa ra quan điểm sau: Việc xác định phạm vi của CNBT phải dựa vào các yếu tố nhất định như bản chất, nội dung của CNBT, đối tượng của CNBT và chủ thể tiến hành cũng như xem xét những yếu tố mang tính nguyên lý về mối quan hệ của chức năng tố tụng với mô hình tố tụng và các chức năng tố tụng với nhau. Xét ở góc độ bản chất, CNBT có thể kết thúc sớm hơn tùy từng vụ án, tùy từng giai đoạn tố tụng; có thể vụ án bị đình chỉ ở giai đoạn điều tra, truy tố hoặc tiền xét xử thì CNBT cũng chấm dứt ở đó. Mặt khác, CNBT tồn tại từ giai đoạn điều tra và sẽ kéo dài cho đến khi bản án hoặc quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật, tức là nó phải trải qua giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử. Tất nhiên, việc buộc tội trong giai đoạn điều tra và giai đoạn xét xử có những nội dung khác nhau.

*Thứ năm, hoàn thiện lý luận về chủ thể chức năng buộc tội trong tố tụng hình sự*

Chủ thể buộc tội là các cơ quan và cá nhân được pháp luật quy định chịu trách nhiệm trong việc thực hiện truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chủ thể thực hiện hành vi có dấu hiệu vi phạm và bảo đảm thuyết phục Tòa án bằng việc ra một bản công nhận một người đã thực hiện hành vi phạm tội theo pháp luật hình sự quy định. Để xác định đúng đắn, chủ thể thực hiện chức năng buộc tội cần xuất phát từ mục đích, bản chất, vị trí, vai trò, phạm vi tồn tại và nội dung của CNBT. Ở mỗi mô hình tố tụng khác nhau, chủ thể buộc tội được pháp luật quy định khác nhau.

Từ những phân tích trên, tác giả đưa ra quan điểm: CNBT do nhiều chủ thể thực hiện ở những mức độ và phạm vi khác nhau. Chủ thể đó bao gồm VKS, CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra, người bị hại và người đại diện hợp pháp của họ.

VKS là chủ thể chính thực hiện CNBT. Tất cả các quan điểm khoa học đều thừa nhận đây là chủ thể buộc tội. VKS thông qua các quyền năng pháp lý của mình tham gia buộc tội từ khi bắt người, tạm giữ, khởi tố thông qua việc phê chuẩn các quyết định này của CQĐT, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra. Có một số trường hợp, VKS còn trực tiếp ra các quyết định buộc tội đó. Trong giai đoạn điều tra,

VKS tiếp tục cùng với CQĐT thu thập, củng cố các chứng cứ để phát hiện người thực hiện hành vi phạm tội cũng như làm rõ hành vi phạm tội, lỗi của bị can trong vụ án. Trong giai đoạn truy tố, sự củng cố tài liệu, chứng cứ tiếp tục được thực hiện nhằm ra bản cáo trạng làm cơ sở đưa bị can ra tòa xét xử về hành vi phạm tội mà cơ quan này đã khẳng định. Ở giai đoạn xét xử, VKS tiếp tục duy trì sự buộc tội tại phiên tòa thông qua phần việc xét hỏi, luận tội, tranh tụng tại tòa để bảo vệ quan điểm buộc tội của mình và thuyết phục Tòa án đưa ra phán quyết về hành vi phạm tội của bị cáo. Như vậy, có thể thấy, với các nội dung buộc tội trong các giai đoạn đó thì VKS luôn giữ vai trò là chủ thể chính trong việc thực hiện CNBT.

CQĐT là chủ thể thực hiện CNBT. Để xác định CQĐT là chủ thể buộc tội cần phải khẳng định CNBT tồn tại trong giai đoạn điều tra và điều tra không phải là chức năng độc lập trong TTHS. Trong giai đoạn điều tra, CNBT của CQĐT được thể hiện thông qua tất cả những gì CQĐT thực hiện theo quy định của pháp luật để phát hiện, thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh làm rõ tội phạm và người thực hiện hành vi phạm tội. Trên cơ sở đó, CQĐT đưa ra những quyết định buộc tội đối với người thực hiện hành vi phạm tội như: Bắt, tạm giữ, khởi tố... Những hoạt động trên đây chính là cơ sở pháp lý xác định CQĐT là chủ thể buộc tội trong TTHS.

Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng tương tự như CQĐT. Ở những vụ án thuộc thẩm quyền của mình, Cơ quan này cũng được pháp luật trao quyền để thu thập chứng cứ chứng minh tội phạm, người phạm tội và ra các quyết định buộc tội nhất định trong các vụ án mình thụ lý theo thẩm quyền. Kết quả của sự buộc tội từ các cơ quan này làm cơ sở quan trọng để VKS thực hiện CNBT của mình ở các giai đoạn tiếp theo. Chính vì vậy, Cơ quan được giao nhiệm vụ tiến hành một số hoạt động điều tra cũng là chủ thể thực hiện CNBT.

Bị hại trong các vụ án khởi tố theo yêu cầu cũng được xác định là chủ thể buộc tội. Bị hại là người hoặc cơ quan, tổ chức bị hành vi phạm tội trực tiếp xâm hại đến. Việc tham gia tố tụng của chủ thể này nhằm bảo vệ quyền lợi chính đáng của mình, quyền lợi chính đáng đó có mối quan hệ biện chứng đối với hành vi phạm tội đã gây ra cho họ. Trong các

vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại hoặc người đại diện hợp pháp của bị hại thực hiện CNBT thông qua yêu cầu khởi tố vụ án hình sự. Yêu cầu khởi tố của bị hại là căn cứ để khởi tố vụ án hình sự. Đối với các vụ án khởi tố theo yêu cầu của bị hại, pháp luật chính thức thừa nhận họ có quyền buộc tội công khai tại phiên tòa. Đây là điểm nhấn mạnh vai trò chủ thể buộc tội của bị hại trong các vụ án khởi tố theo yêu cầu. Mặt khác, việc rút yêu cầu khởi tố vụ án của bị hại cũng trong các vụ án này cũng chính là căn cứ để đình chỉ giải quyết vụ án, có nghĩa là sự tồn tại của CNBT đã chấm dứt. Vì vậy, có thể khẳng định bị hại trong các vụ án được khởi tố theo yêu cầu của bị hại là một trong các chủ thể buộc tội trong TTHS.

Tóm lại, chức năng TTHS là những mặt, những phương diện hoạt động chủ yếu nhằm thực hiện trình tự, thủ tục TTHS. Đây là nội dung quan trọng trong TTHS Việt Nam; do đó, bài viết là quan điểm khoa học của tác giả nhằm góp phần xây dựng cấu trúc lý luận hoàn chỉnh về CNBT theo tinh thần cải cách tư pháp của nước ta trong giai đoạn hiện nay./.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Lê Tiến Châu (2003), *Một số vấn đề về chức năng buộc tội*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 3;
2. Phạm Hồng Hải (1998), *Mấy suy nghĩ về vấn đề bảo vệ quyền con người trong tố tụng hình sự ở nước ta*, Tạp chí Nhà nước và pháp luật số 3;
3. Nguyễn Mạnh Hùng (2011), *Thuật ngữ pháp lý*, Nxb Chính trị quốc gia – Sự thật;
4. Nguyễn Mạnh Hùng (2012), *Các chức năng trong tố tụng hình sự Việt Nam – Những vấn đề lý luận và thực tiễn*, Luận án tiến sĩ, Học viện khoa học xã hội;
5. Nguyễn Thái Phúc (1999), *Một số vấn đề về quyền công tố của Viện kiểm sát*, Kỷ yếu đề tài khoa học cấp Bộ của Viện khoa học kiểm sát, Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
6. V.M.Xavitski (1971), *Buộc tội Nhà nước tại phiên tòa*, Nxb Khoa học Matxcova;
7. Nguyễn Đức Thái, (2015), *Quyền buộc tội của người bị hại trong tố tụng hình sự*, Tạp chí Khoa học pháp lý số 1;
8. Từ điển Luật học, Nxb Quốc gia;
9. Từ điển Tiếng Việt, Nxb Văn hóa Sài Gòn, Tp Hồ Chí Minh.